TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 13/8/2018
V/v Ly hôn giữa chị T và anh L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi
2. Bà Đỗ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

ĐKHKTT: thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

ĐKHKTT: thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi làm việc: công ty LH9, Tòa nhà L, Công ty TNHH SHYANG HUNG CHENG, cụm sản xuất A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

Hiện đang tạm trú: phòng 2, số nhà 45/1, Khu phố B, phường A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Duy L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh

Thanh Hóa cấp ngày 25 tháng 6 năm 2008 và có tổ chức đám cưới vào ngày 12/01/2009. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống với gia đình nhà chồng được 1 năm rồi vào miền Nam đi làm nên không liên quan đến kinh tế với gia đình gia đình chồng. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm, đến tháng 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chơi lô đề, bài bạc dẫn đến vợ chồng phải bán vàng và lấy tiền tiết kiệm để trả nợ. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 6/2014. Sau đó không còn tình cảm nên không quan hệ sinh lý trở lại mà sống ly thân. Hiện nay chị T không có thai nghén. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh L.

Về con: Chị và anh Nguyễn Duy L có 01 con chung là Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 15/01/2010 đang ở với ông bà nội. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn xin nhường quyền cho anh L nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Th, tỉnh Bình Dương anh Nguyễn Duy L trình bày: anh và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2008 và có tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không hiểu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Anh và chị T sống ly thân từ tháng 10/2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng đã cố gắng đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên do chị T nhất quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con: vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thị Ng như chị T trình bày, hiện nay con đang ở với ông bà nội tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nguyện vọng của anh khi ly hôn xin trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy L. Về con: giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi

con. Về tài sản, công nợ chung: chị Thủy và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: anh Nguyễn Duy L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Duy L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, tình cảm vợ chồng bị mất mát. Mặt khác, chị T trình bày anh L không quan tâm đến vợ con mà còn có quan hệ với người phụ nữ khác và chơi cá độ bóng đá. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con: chị T và anh L có 01 con chung, đang ở với ông bà nội. Ý kiến chị T giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của chị T phù hợp với nguyện vọng của anh L và cháu Ng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con xác định anh L không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy L.

2. Về con chung: giao anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 15/01/2010. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006671 ngày 07/6/2018, chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị T, vắng mặt anh L. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Q, H. X;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ